TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Bản án số:**365**/2020/HNGĐ-ST*
Ngày: 20/7/2020
Về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm Anh
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Hoàng Văn Tiến.
2/ Ông Bùi Văn Bình.
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Bách T - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 382/2020/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44 /2020/QĐXXST ngày 13 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T , sinh năm 1978
Trú tại: Xã V, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)
Bị đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1982
Trú tại:P , phường V, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị L tự do tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán có sự chứng kiến của gia đình bạn bè hai bên vào tháng 12/2007 và tự nguyện chung sống cùng nhau như vợ chồng nhưng cho đến nay không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống giữa anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn nhưng đều tự hàn gắn. Từ tháng 12/2019 anh Trần Văn T chuyển về quê sinh sống, mỗi người ở một nơi nhưng anh chị vẫn thường xuyên có cư xử không đúng mực làm tổn thương nhau nghiêm trọng. Nay anh

làm đơn đề nghị Toà án không công nhận anh với chị Bùi Thị L là vợ chồng để đôi bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh và chị Bùi Thị L có 02 con chung là Trần Minh H và Trần Minh A cùng sinh ngày 11/02/2011. Trong trường hợp ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu Trần Minh H và đồng ý để chị L nuôi cháu Trần Minh Anh. Anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 7.000.000 đồng / tháng. Ngoài ra anh chị còn thỏa thuận theo nguyện vọng của hai con muốn ở cùng mẹ nên thực tế anh T để cháu Trần Minh H ở cùng với mẹ là chị L .

Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và các văn bản tố tụng khác tại Tòa - Bị đơn chị Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị nhất trí với lời trình bày của anh T về quá trình vợ chồng tìm hiểu, chung sống và cho đến nay vẫn chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn là đúng. Chị xác nhận trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra va chạm mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến không quan tâm chăm sóc gia đình. Với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của anh T , chị đồng ý tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh T .

Về con chung: Chị và anh Trần Văn T có 02 con chung là Trần Minh H và Trần Minh A cùng sinh ngày 11/02/2011. Trong trường hợp ly hôn chị sẽ nuôi cháu Trần Minh A và đồng ý để anh T nuôi cháu Trần Minh Hoàng. Chị đồng ý anh T cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng / tháng. Ngoài ra anh chị còn thỏa thuận sau khi ly hôn anh T đồng ý để chị L trực tiếp nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn anh Trần Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị tòa án không công nhận anh và chị Bùi Thị L là vợ chồng. Chị Bùi Thị L đồng ý đề nghị tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

- Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L xác nhận có 02 con chung là Trần Minh H và Trần Minh A cùng sinh ngày 11/02/2011. Trong trường hợp ly hôn anh chị thoả thuận anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh H, chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh A. Anh Trần Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 7.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện dúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán

quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T , không công nhận anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L là vợ chồng.

- Về con chung: Ghi nhận sự thoả thuận tại phiên toà của anh chị giao con chung là cháu Trần Minh H cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng; giao con chung là Trần Minh A cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 7.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí : Trần Văn T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

- NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T thuộc những tranh chấp về Hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L tự do tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán có sự chứng kiến của gia đình bạn bè hai bên và tự nguyện chung sống cùng nhau như vợ chồng từ tháng 12/2007. Theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09-6-2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L có nghĩa vụ phải đi đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực, tức là từ ngày 01-01-2001 đến 01-01-2003. Tuy nhiên, từ ngày 01-01-2001 đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định, vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay, do mâu thuẫn giữa anh chị nên

Anh Trần Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L là vợ chồng. Xét thấy, yêu cầu của anh Trần Văn T là có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung:

Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L xác nhận có 02 con chung là Trần Minh H và Trần Minh A cùng sinh ngày 11/02/2011. Các con chung của anh chị đã trên 7 tuổi nên khi Tòa án trao đổi thì các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Bùi Thị L .

Hội đồng xét xử nhận thấy cả anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L đều có công việc và thu nhập ổn định và đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Tại phiên toà anh chị đều thống nhất thoả thuận về con chung nên thấy cần ghi nhận sự thoả thuận của anh chị giao con chung là Trần Minh H cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng; giao con chung là Trần Minh A cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Trần Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng / tháng.

Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự**.**

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH 10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng ¸án phí lệ

phí Tòa án và khoản 1.1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng của nguyên đơn là anh Trần Văn T với bị đơn là chị Bùi Thị L . Không công nhận anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị giao con chung là Trần Minh H, sinh ngày 11/02/2011 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Trần Minh A, sinh ngày 11/02/2011 cho chị Bùi Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 7.000.000 đồng / tháng.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Xác nhận anh Trần Văn T đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0016435 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên. Anh Trần Văn T còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q.Long Biên;
- Chi cục THADS Q.Long Biên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trâm Anh